THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1672/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao" với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ và tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao phát triển sản xuất, giảm nghèo, thoát nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần vào việc bảo vệ môi trường, rừng đầu nguồn và chủ quyền biên giới quốc gia.

Đến năm 2015:

- Tỷ lệ hộ nghèo còn 60% theo chuẩn hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 30%; 70% thôn, bản có đường giao thông nông thôn, điện, nước sinh hoạt, trường, lớp học kiên cố, bán kiên cố, nhà bán trú cho học sinh, nhà công vụ cho giáo viên và nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản;
- 100% hộ gia đình được hỗ trợ xây nhà ở theo quy định tại Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;
- 100% thôn, bản có chi bộ Đảng, có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm; cán bộ xã có trình độ trung học cơ sở trở lên; 50% trạm y tế xã có bác sỹ, y sỹ sản nhi;
- Tỷ lệ cán bộ cơ sở là người dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao tăng 40% so với năm 2011.

Mức sống của đồng bào các dân tộc này đến năm 2020 tương đương mức sống của các dân tộc khác trong vùng.

2. Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao" được thực hiện tại 88 thôn, bản trên 27 xã thuộc 9 huyện của các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên và Hà Giang (Danh sách kèm theo).

Thời gian thực hiện Đề án là 10 năm (2011 - 2020) và phân làm 2 giai đoạn: giai đoạn I: 2011 - 2015; giai đoạn II: 2016 - 2020.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a) Quy hoạch, tạo mặt bằng để di chuyển, sắp xếp, ổn định dân cư ở các địa bàn đặc biệt khó khăn về giao thông, thiếu nguồn nước, thường xuyên xảy ra thiên tai, sạt lở, lũ ống, lũ quét;

b) Xây dựng, nâng cấp đường giao thông đến thôn, bản; công trình điện; công trình thủy lợi; công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; trạm y tế xã; công trình lớp học, nhà ở bán trú cho học sinh và nhà công vụ cho giáo viên; công trình nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng thôn, bản;

c) Hỗ trợ hộ nghèo lương thực ăn khi thiếu đói, mắc điện sinh hoạt, làm nhà ở, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi; hỗ trợ về giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; hỗ trợ khai hoang, xây dựng ruộng bậc thang sản xuất lúa nước, bảo đảm an ninh lương thực; giao khoán bảo vệ rừng; đào tạo chuyển đổi nghề; chuyển đổi cây trồng mới theo quy hoạch; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế;

d) Xây dựng nông thôn mới; thôn, bản, gia đình văn hóa. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống;

đ) Củng cố hệ thống chính trị cơ sở; làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ, nâng cao trình độ cho cán bộ là người dân tộc La Hủ, Mảng, Cống, Cờ Lao;

e) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đồng bào chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhất là hiệp định, hiệp nghị biên giới, quy chế khu vực biên phòng, đường biên, mốc giới và chủ quyền biên giới quốc gia.

4. Kinh phí thực hiện Đề án (tạm tính)

Tổng kinh phí: 1.042.811 triệu đồng, trong đó: Ngân sách địa phương cân đối: 3.842 triệu đồng; ngân sách trung ương hỗ trợ: 781.248 triệu đồng; lồng ghép từ các chính sách, Chương trình mục tiêu quốc gia: 244.909 triệu đồng; vay: 12.560 triệu đồng.

Vốn đầu tư phát triển (xây dựng cơ sở hạ tầng): 648.180 triệu đồng; vốn hỗ trợ các hoạt động sự nghiệp: 372.615 triệu đồng; chi phí khác: 22.016 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Dân tộc chủ trì theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao", có nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc triển khai thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan thẩm định Đề án thành phần của các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang trước khi Ủy ban nhân dân các tỉnh phê duyệt;

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng kế hoạch kinh phí thực hiện Đề án; tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính cân đối nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch ngân sách hàng năm cho các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép nguồn vốn các chính sách, Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn để thực hiện Đề án;

- Phối hợp với Ủy ban Dân tộc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án và các dự án thành phần của các địa phương.

3. Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí kinh phí theo kế hoạch ngân sách hàng năm cho các tỉnh để thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn các địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ về đời sống, đào tạo nghề, giáo dục, y tế, phát triển sản xuất và bảo đảm an sinh xã hội theo mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang:

- Xây dựng Đề án thành phần để Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan có căn cứ xem xét thẩm định trước khi phê duyệt;

- Chỉ đạo lập, thẩm định, phê duyệt các dự án thành phần theo quy định; sắp xếp thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực để thực hiện các dự án và chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Đề án tại địa phương;

- Ban hành danh mục dự án cụ thể làm căn cứ phê duyệt, triển khai thực hiện theo tiến độ, mục tiêu của Đề án; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hàng năm gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ có mục tiêu cho Đề án;

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện, xã triển khai thực hiện các dự án thành phần; lồng ghép các nguồn kinh phí thuộc các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn để thực hiện; huy động các tổ chức, cá nhân và đồng bào các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao tham gia tích cực vào việc thực hiện Đề án;

- Định kỳ 6 tháng, 1 năm tổng hợp báo cáo Ủy ban Dân tộc kết quả thực hiện Đề án và các dự án thành phần tại địa phương để Ủy ban Dân tộc tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I
DANH SÁCH THÔN, BẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	THÔN, BẢN	XÃ	HUYỆN	TỈNH
1	Pa Cheo	Hua Bum	Mường Tè	Lai Châu
2	Nậm Nghẹ	-	-	-
3	A Mại	Pa Vệ Sủ	-	-
4	Nậm Xuổng	Bum Nưa	-	-
5	Nậm Xẻ	-	-	-
6	Nậm Củm	-	-	-
7	Huổi Cuổng	-	-	-
8	Huổi Van 1	Nậm Hàng	-	-
9	Huổi Van 2	-	-	-
10	Là Sì	Ka Lăng	Mường Tè	-
11	Là Pê 1	-	-	-
12	Là Pê 2	-	-	-
13	Tá Pạ	-	-	-
14	Nhóm Pố	-	-	-
15	Pạ Pù	-	-	-
16	Thăm Pa	Pa Ủ	-	-
17	Nhú Ma	-	-	-
18	Ứ Ma	-	-	-
19	Hà Xi	-	-	-
20	Tân Biên	-	-	-
21	Pha Bu	-	-	-
22	Chà Kế	-	-	-
23	Pa Ủ	-	-	-
24	Xà Hồ	-	-	-
25	Mô Chi	-	-	-
26	Cờ Lò 1	-	-	-
27	Cờ Lò 2	-	-	-

STT	THÔN, BẢN	XÃ	HUYỆN	TỈNH
28	Là Sì	Thu Lũm	-	-
29	Phí Chi A	Pa Vệ Sủ	-	-
30	Phí Chi B	-	-	-
31	Seo Thèn A	-	-	-
32	Seo Thèn B	-	-	-
33	Sín Chải A	-		
34	Sín Chải B	-	-	-
35	Sín Chải C	-	-	-
36	Chà Gá	-	-	-
37	Khoang Thèn	-	-	-
38	Thò Ma	-	-	-
39	Pá Hạ	-	-	-
40	Pá Củm	-	-	-
41	Xà Phìn	-	-	-
42	Nậm Cấu	Bum Tở	-	-
43	Huổi Han	-	-	-
44	Nậm Xả	-	-	-
45	Phìn Khò	-	-	-
46	Chà Dì	-	-	-
47	Tả Phìn	-	-	-
48	Đầu Nậm Xả	-	-	-
49	Pa Thoóng	-	-	-
50	Huổi Tát	Nậm Khao	-	-
51	Nậm Phìn	-	-	-
52	Nậm Pặm	Mường Tè	-	-
53	Nậm Khao	Nậm Khao	Mường Tè	-
54	Nậm Pục	-	-	-
55	Nậm Luồng	Kan Hồ	-	-
56	Pô Lếch	-	-	-
57	Tắc Ngá	Mường Mô	-	-
58	Nậm Tần Xá	Pa Tần	Sìn Hồ	-

STT	THÔN, BẢN	XÃ	HUYỆN	TỈNH
59	Nậm Ô	Nậm Ban	-	-
60	Nậm Sảo 1	-	-	-
61	Nậm Nó 1	-	-	-
62	Nậm Nó 2	-	-	-
63	Hua Pảng	-	-	-
64	Pá Bon	Chăn Nưa	-	-
65	Pá Sập	-	-	-
66	Pá Đởn	-	-	-
67	Nậm Sập	-	-	-
68	Nậm Pì	-	-	-
69	Nậm Vời	-	-	-
70	Lả Chà	Pa Tần	Mường Nhé	Điện Biên
71	Nậm Kè	Nậm Kè	-	-
72	Púng Bon	Pa Thơm	Điện Biên	-
73	Huổi Moi	-	-	-
74	Hạ Đạt	Mậu Long	Yên Minh	Hà Giang
75	Đoàn Kết	Bạch Đích	-	-
76	Pắc Muốc	Ngọc Long	-	-
77	Sà Ván	Phú Lũng	-	-
78	Ngằm Soọc	Mậu Duệ	-	-
79	Mã Trề	Sính Lủng	Đồng Văn	-
80	Sà Tủng Chứ	-	-	
81	Cá Ha	-	-	-
82	Đán Khao	Thượng Sơn	Vị Xuyên	-
83	Phìn Su Chải	Túng Sán	Hoàng Su Phì	-
84	Khu Trù Sán	-	-	-
85	Túng Quá Lìn	-	-	-
86	Tả Chải	-	-	-
87	Sèo Lùng Sán	Lũng Chinh	Mèo Vạc	-
88	Khuổi Phạt	Vĩnh Hảo	Bắc Quang	-

Phụ lục II

DANH SÁCH XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1672/*QĐ-TTg*
ngày 26 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	XÃ	HUYỆN	TỈNH
1	Nậm Khao	Mường Tè	Lai Châu
2	Pa Vệ Sủ	-	-
3	Pa Ủ	-	-
4	Ka Lăng	-	-
5	Bum Tở	-	-
6	Kan Hồ	-	-
7	Bum Nưa	-	-
8	Nậm Hàng	-	-
9	Hua Bum	-	-
10	Chăn Nưa	Sìn Hồ	-
11	Nậm Ban	-	-
12	Pa Thơm	Điện Biên	Điện Biên
13	Sính Lủng	Đồng Văn	Hà Giang
14	Túng Sán	Hoàng Su Phì	-